

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001035

Trang : 1/2

Môn học: **Truyền động điện (228075) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **001**

Ngày thi: **02/11/2022**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D6-36**

Số SV có mặt: **28**

Số bài thi: **28**

Số tờ giấy thi: **32**

Cán bộ coi thi 1 <i>Chu</i> <i>CTNH</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Vu</i> <i>Ng Thọ</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Chu</i> <i>Thị Ngọc</i> <i>Thị Hương</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Thị Ngọc</i> <i>Thị Hương</i>
---	--	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121050001	PHẠM QUỐC ANH	03/02/2003	CCQ2105A		1	Anh	7,0	5,5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121050077	BÙI XUÂN CHIẾN	25/09/2003	CCQ2105A		1	Chien	5,5	2,0	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121050027	ĐOÀN HUỲNH HỮU	29/03/2003	CCQ2105A		1	chuong	3,7	1,0	2,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121050058	PHẠM TIẾN CƯỜNG	21/01/2003	CCQ2105B		1	Cu	7,3	8,5	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121050002	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	25/06/2003	CCQ2105A		2	Dat	7,7	6,5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121050031	NGUYỄN VĂN THÀNH	17/07/2003	CCQ2105A		1	Th	8,5	3,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121050041	NGUYỄN ĐỨC	20/04/2003	CCQ2105B		1	Duc	7,3	0,0	2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121050003	NGUYỄN PHAN THÀNH	09/03/2003	CCQ2105A							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121050071	PHAN MINH ĐỨC	27/05/2003	CCQ2105B		1	Minh	8,3	1,0	9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121050057	HÒA NGỌC HẢI	22/02/2002	CCQ2105B		1	Hai	6,8	0,0	2,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121050004	LÂM THANH HIỀN	21/09/2003	CCQ2105A		1	Thanh	7,3	2,0	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121050049	ĐÀO TẤN HIỂN	27/09/2003	CCQ2105B		1	Tan	7,8	5,0	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121050078	NGUYỄN TRUNG HIẾU	17/11/2002	CCQ2105B		1	Trung	8,0	2,5	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121050019	VÕ NGỌC HUY	06/02/2003	CCQ2105A		1	Huy	8,0	9,0	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121050025	NGUYỄN HẢI HƯNG	15/07/2003	CCQ2105A							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121050038	NGUYỄN HOÀNG HY	13/07/2003	CCQ2105B		1	Hy	5,5	5,0	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121050013	NGUYỄN NGỌC KHA	21/11/2003	CCQ2105A		1	Kha	7,2	1,0	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121050042	HỨA HOÀNG KHANG	16/12/2003	CCQ2105B		1	Khang	8,3	9,0	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121050034	NGUYỄN VIỆT KHANG	23/09/2003	CCQ2105A		2	Khang	7,7	6,5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121050043	CHÂU QUỐC KHÁNH	02/09/2003	CCQ2105B		1	Khanh	5,5	1,0	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001035

Trang : 2/2

Môn học: **Truyền động điện (228075) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **001**

Ngày thi: **02/11/2022**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D6-36**

Số SV có mặt: **28**

Số bài thi: **28**

Số tờ giấy thi: **28**

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Văn Thọ</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyễn Văn Thọ</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Văn Thọ</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Văn Thọ</i>
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121050061	NGUYỄN HUỖNH ĐĂNG KHÁNH	05/12/2003	CCQ2105B		2	<i>Khánh</i>	8,3	3,0	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121050022	LÂM TUẤN	14/08/2002	CCQ2105A		1	<i>Tuấn</i>	7,3	2,5	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121050062	NGUYỄN TỰ LẬP	10/08/2003	CCQ2105B		1	<i>Lập</i>	5,8	0,0	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121050056	NGUYỄN HOÀI LINH	09/07/2003	CCQ2105B		1	<i>Linh</i>	8,7	3,0	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121050047	TRƯƠNG THÀNH LINH	27/05/2000	CCQ2105B		1	<i>Linh</i>	8,7	6,0	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2121050005	PHAN PHI LONG	29/10/2000	CCQ2105A		1	<i>Long</i>	8,3	5,0	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121050055	NGUYỄN VĂN LƯU	19/04/2003	CCQ2105B							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2121050051	NGUYỄN GIA MÃN	30/10/2003	CCQ2105B		1	<i>Mãn</i>	5,5	0,0	2,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2121050065	TRỊNH VĂN MINH	17/10/2003	CCQ2105B		1	<i>Minh</i>	7,7	2,0	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2121050036	LÊ THANH NAM	19/05/2003	CCQ2105B							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2121050076	NGUYỄN HOÀI NAM	10/07/2003	CCQ2105B		1	<i>Nam</i>	8,3	1,0	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2121050063	ĐỖ DUY NGỌC	14/11/2003	CCQ2105B		1	<i>Ngọc</i>	8,8	3,0	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001036

Trang : 1/2

Môn học: **Truyền động điện (228075) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

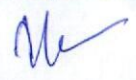
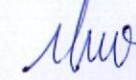
Tổ: **002**

Ngày thi: **02/11/2022**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D5-26**

Số SV có mặt: 30
Số bài thi: 30
Số tờ giấy thi: 31

Cán bộ coi thi 1  <u>Hoàng Thị Hiền</u>	Cán bộ coi thi 2  <u>Đào Thị Diệu</u>	G.Viên chấm thi 1  <u>Đào Thị Hiền</u>	G.Viên chấm thi 2  <u>Đào Thị Hiền</u>
--	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121050030	HỒ NGỌC NGUYỄN	25/09/2003	CCQ2105A		1	<u>Nguyễn</u>	5,0	0,0	2,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2121050040	NGUYỄN TRƯỜNG ĐÌNH NGUYỄN	20/04/2003	CCQ2105B		1	<u>Nguyễn</u>	5,0	0,0	2,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2121050007	TRẦN PHƯƠNG NHẬT	07/07/2003	CCQ2105A		1	<u>Nhật</u>	8,3	0,0	3,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2121050032	NGUYỄN PHÁT	14/03/2003	CCQ2105A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2121050008	NGUYỄN TẤN PHÁT	19/09/2003	CCQ2105A		1	<u>Phat</u>	8,7	3,5	5,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2121050009	NGUYỄN TRUNG PHI	18/03/2003	CCQ2105A		1	<u>Phi</u>	8,0	1,0	3,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2121050039	ĐẶNG ĐỨC PHÚ	07/07/2003	CCQ2105B		1	<u>Phu</u>	7,7	7,5	7,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2121060026	NGUYỄN XUÂN PHÚ	10/08/2003	CCQ2105A		1	<u>Phu</u>	8,2	5,0	6,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2121050021	TRẦN QUANG PHÚ	02/03/2002	CCQ2105A		1	<u>Phu</u>	5,0	0,0	2,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2121050010	ĐỖ HOÀNG PHƯỚC	16/01/2003	CCQ2105A		1	<u>Phu</u>	8,3	0,0	3,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2121050064	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	23/04/2003	CCQ2105B		1	<u>Phu</u>	8,3	3,0	5,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2121050066	ĐOÀN NGỌC QUẾ	29/09/2003	CCQ2105B		1	<u>Quo</u>	8,5	1,0	4,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2121050060	LÊ VĂN QUYẾT	02/01/2003	CCQ2105B		2	<u>Quyết</u>	9,3	10,0	9,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2121050037	CHÂU PHƯỚC SANG	11/11/2003	CCQ2105B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2121050011	PHAN TRẦN TRUNG TÂM	15/12/2003	CCQ2105A		1	<u>Tâm</u>	7,5	0,0	3,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2121050044	TỬ TỊNH TÂM	31/05/2003	CCQ2105B		1	<u>Tâm</u>	5,0	1,0	2,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2121050054	ĐÀNG ĐỨC TÂN	17/06/2003	CCQ2105B		1	<u>Tân</u>	7,7	2,0	4,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2121050012	NGUYỄN CÔNG THÀNH	25/08/2003	CCQ2105A		1	<u>Thành</u>	7,5	3,5	5,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2121050059	PHẠM QUANG THẮNG	15/04/2002	CCQ2105B		1	<u>Thắng</u>	8,5	10	9,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2121050028	NGUYỄN SỸ THIÊN	13/02/2002	CCQ2105A		1	<u>Thiên</u>	5,0	1,0	2,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 18/10/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001036

Trang : 2/2

Môn học: **Truyền động điện (228075) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **002**

Ngày thi: **02/11/2022**

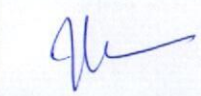
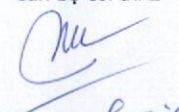
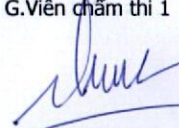
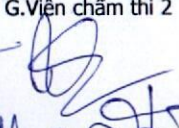
Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D5-26**

Số SV có mặt: **30**

Số bài thi: **30**

Số tờ giấy thi: **31**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Hoàng T. Hiền	 Đào Thị Diễm	 Trần Trung Kiên	 Nguyễn Văn Khoa

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121050026	PHẠM MINH THÔNG	03/10/2003	CCQ2105A		1		9,2	2,0	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121050014	LÊ MINH THUẬN	13/09/2003	CCQ2105A		1		4,7	2,5	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121050052	LÊ MINH THUẬN	13/02/2003	CCQ2105B		1		4,3	4,3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121050015	NGUYỄN MINH TIẾN	18/06/2003	CCQ2105A		1		4,3	2,0	2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121050075	LÊ ĐÔNG TRIỀU	27/12/2003	CCQ2105A		1		8,0	4,5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2121050016	TRƯƠNG THANH TRIỀU	06/10/2001	CCQ2105A		1		7,8	2,5	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121050053	HUỖNH NGUYỄN TẤN TRUNG	30/01/2002	CCQ2105B		1		8,7	2,5	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2121050048	TRẦN TRUNG TRỰC	01/10/2002	CCQ2105B		1		8,0	0,0	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2121050029	VÕ THÀNH TUÂN	17/11/2003	CCQ2105A		1		7,2	0,0	2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2121050020	PHẠM MINH TUẤN	16/10/2001	CCQ2105A		1		7,3	3,0	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2121050017	LÊ HỒNG VIỆT	27/09/2003	CCQ2105A		1		8,8	2,8	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2121050024	HỒ THANH XUÂN	25/01/2003	CCQ2105A		1		7,3	1,5	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001037

Trang : 1/2

Môn học: **Truyền động điện (228075) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **001**

Ngày thi: **02/11/2022**

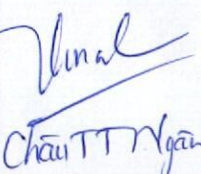
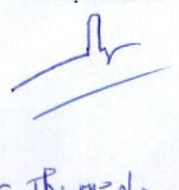
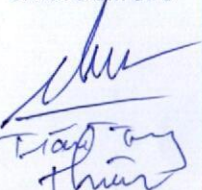
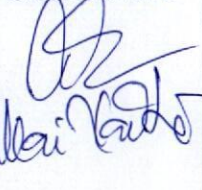
Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D5-27**

Số SV có mặt: **22**

Số bài thi: **22**

Số tờ giấy thi: **22**

Cán bộ coi thi 1  Chau TT Ngan	Cán bộ coi thi 2  Le Thi Ngan	G.Viên chấm thi 1  Tran Thanh	G.Viên chấm thi 2  Mai Khanh
---	--	--	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121150003	PHẠM HOÀNG ANH	13/10/2002	CCQ2115A		1	Anh	8,3	8,5	5,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2121150007	VŨ HOÀI BẢO	24/07/2003	CCQ2115A				5,0			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2121150012	BÙI LONG BẠCH	16/11/2003	CCQ2115A		1	Long	7,3	8,5	5,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2121150059	BÙI NGỌC BẢO	08/07/2003	CCQ2115B				5,0			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2121150061	NGUYỄN HOÀNG CHUNG	24/03/2001	CCQ2115B							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2121150032	LÊ VĂN CƯỜNG	28/09/2003	CCQ2115A		1	Cường	7,3	2,0	4,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2120050099	MAI HỒNG DÀNG	05/11/2002	CCQ2005C		1	Dang	8,3	4,0	5,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2121150029	TRƯƠNG CÔNG DIỄN	02/12/2002	CCQ2115A		1	Diem	8,0	2,5	4,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2121150051	LÊ KHÁNH DUY	14/11/2003	CCQ2115B		1	Duy	8,0	7,5	7,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2121150057	TẠ QUANG HẢI	11/10/2002	CCQ2115B		1	Hai	7,0	8,0	4,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2121150046	NGUYỄN CÔNG ĐỨC	25/01/2003	CCQ2115B							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2121150004	NGÔ VĂN HIỆP	26/01/2003	CCQ2115A		1	Hiep	8,2	2,5	4,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2121150008	NGUYỄN VĂN HÒA	20/10/2003	CCQ2115A		1	Hoa	7,7	1,0	3,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2121150001	MẠC DUY HOÀNG	28/07/2003	CCQ2115A		1	Hoa	7,0	0,0	2,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2121150009	ĐÀO DUY HUY	28/03/2003	CCQ2115A		2	Huy	9,2	10	9,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2121150011	HOÀNG ĐỨC HUY	09/05/2003	CCQ2115A		1	Huy	6,0	0,0	2,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2121150035	NGUYỄN QUỐC HUY	28/02/2003	CCQ2115A		1	Huy	8,3	10	9,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2121150002	VÕ NHẬT HUY	11/10/2003	CCQ2115A		1	Huy	8,7	6,0	7,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2121150013	NGUYỄN LÊ ĐỨC HƯỚNG	13/12/2003	CCQ2115A		1	Huong	8,3	7,0	7,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2120050012	HỒ NHỰT NAM	17/12/2002	CCQ2005A							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 18/10/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001037

Trang : 2/2

Môn học: **Truyền động điện (228075) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **001**

Ngày thi: **02/11/2022**

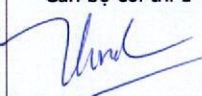
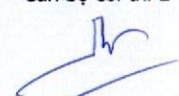
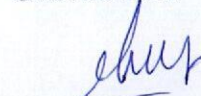
Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D5-27**

Số SV có mặt: 22.....

Số bài thi: 22.....

Số tờ giấy thi: 22.....

Cán bộ coi thi 1  Chau TT Nguyen	Cán bộ coi thi 2  Le Thi My Nhung	G.Viên chấm thi 1  Tran Tay Thuan	G.Viên chấm thi 2  Bai Viete
---	--	--	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121150052	LƯU ĐỨC KHANG	10/06/2003	CCQ2115B		1		7,7	10	3,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2120170330	NGUYỄN VĂN KHOA	05/11/2002	CCQ2005D		1		7,0	0,0	2,8	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
23	2121150036	PHẠM ĐĂNG KHOA	22/07/2003	CCQ2115B		1		8,3	9,0	8,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2121150019	TRƯƠNG ĐÌNH LINH	09/07/2003	CCQ2115A		1		7,7	6,5	7,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2121150026	TRẦN BẢO LỢI	03/02/1996	CCQ2115A		1		8,8	10	9,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2121150023	TRẦN HÀN SĨ	13/10/2003	CCQ2115A		1		6,7	3,5	4,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2121150005	HOÀNG THỊ THU	13/04/2003	CCQ2115A		02		9,0	9,5	9,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2121150034	LÊ HUỖNH CÔNG MẾN	02/10/2003	CCQ2115A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001038

Trang : 1/2

Môn học: **Truyền động điện (228075) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **002**

Ngày thi: **02/11/2022**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D5-29**

Số SV có mặt: **19**

Số bài thi: **19**

Số tờ giấy thi: **20**

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Văn Sơn</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Trần Thị Mỹ Hào</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Trần Thị Mỹ Hào</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Văn Sơn</i>
---	--	---	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121150048	PHAN THÀNH NHÂN	18/10/2003	CCQ2115B		1	<i>Phan</i>	8,3	3,5	5,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2121150049	TRẦN DANH NHÂN	27/02/2003	CCQ2115B				7,0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2121150006	NGUYỄN VĂN TUẤN NHẬT	12/08/2003	CCQ2115A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2118050039	NGUYỄN THANH PHONG	24/12/2000	CCQ1805A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2121150022	NGUYỄN THÀNH PHONG	19/11/2003	CCQ2115A		1	<i>Phong</i>	7,7	1,5	4,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2121150031	TRẦN THANH PHÚ	07/03/2003	CCQ2115A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2121150037	ĐÀO MINH PHƯỚC	29/06/2002	CCQ2115B		1	<i>Phuoc</i>	7,7	5,0	6,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2121150020	ĐẶNG MINH PHƯƠNG	15/11/2003	CCQ2115A		1	<i>Phuong</i>	7,9	0,5	3,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2121150016	LÃNG MINH PHƯƠNG	20/01/2003	CCQ2115A		1	<i>Phuong</i>	7,7	0,5	3,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2120050104	TRƯƠNG THANH PHƯƠNG	04/05/2002	CCQ2005C		1	<i>Phuong</i>	8,0	7,5	7,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2121150047	ĐÀO DUY THÁI	24/11/2003	CCQ2115B		1	<i>Thai</i>	8,0	4,5	5,9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2121150027	VŨ NGUYỄN NHẬT THANH	16/12/2000	CCQ2115A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2121150038	VÕ CHIẾN THẮNG	08/04/2003	CCQ2115B		1	<i>Thang</i>	7,5	3,5	5,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2121150045	VÕ QUỐC THẮNG	30/11/2003	CCQ2115B		1	<i>Thang</i>	7,7	0,5	3,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2121150042	ĐỖ THÀNH THI	17/07/2002	CCQ2115B		1	<i>Thi</i>	8,7	7,8	8,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2121150025	NGUYỄN NGỌC THIÊN	16/02/2003	CCQ2115A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2121150021	NGUYỄN KIM TIẾN	15/09/2003	CCQ2115A		1	<i>Tien</i>	6,7	0,5	3,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2121150041	NGUYỄN HỮU TỒN	14/12/2003	CCQ2115B		1	<i>Ton</i>	8,2	2,5	4,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2121150050	NGUYỄN TRUNG TRÍ	31/12/2003	CCQ2115B		1	<i>Tri</i>	7,9	5,5	6,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2121150028	PHÙNG NINH ANH	02/11/2003	CCQ2115A		1	<i>Anh</i>	6,0	0,0	2,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 18/10/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001038

Trang : 2/2

Môn học: **Truyền động điện (228075) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **002**

Ngày thi: **02/11/2022**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D5-29**

Số SV có mặt: **19**

Số bài thi: **19**

Số tờ giấy thi: **20**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121150064	NGUYỄN ĐÌNH TÚ	09/09/2002	CCQ2115B		1	Tú	5,0	0,0	2,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120050095	PHAN NGỌC TÚ	12/03/2002	CCQ2005C		1	Tú	8,3	8,5	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121150010	NGUYỄN QUỐC VĂN	01/12/2003	CCQ2115A		2	Văn	7,3	9,0	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121150054	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	08/09/2002	CCQ2115B							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121150053	TRẦN TRUNG VĨNH	23/05/2003	CCQ2115B		1	Vinh	7,7	9,0	8,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2121150055	PHẠM VĂN VŨ	18/06/2002	CCQ2115B							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121150015	TRẦN XUÂN VŨ	27/08/2003	CCQ2115A		1	Vũ	8,3	4,3	5,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9